

• TIỂU THUYẾT CÔNG GIÁO. QUỶ XUNG TỘI

MA VĂN LIÊU

Kỳ 12

Như đã nói, cha phó “lớn” bị chuyển chuyên nơi khác, một linh mục trung niên được sai đến thay chỗ để làm cha phó “lớn” khác. Tình hình trong họ đạo có hơi đổi mới nhờ sự chuyển chuyên này ví dụ thánh lễ mỗi chiều được chăm chút hơn vì trước đây mãi mê việc nhà trường, nên hai cha phó dâng thánh lễ vào các buổi chiều có phần vội vã và chiếu lệ; ví dụ khác, số giáo dân theo phe hai cha phó để chống đối cha sở dần tan rã cho họ đạo trở lại bình an thuở nào, cha sở được mọi người kính trọng và vâng lời trở lại.

Cha phó “lớn” tuy không khéo léo trong việc quản trị trường học, không khéo léo trong việc giao tế với các tầng lớp trong xã hội liên quan đến giáo xứ, nhưng bù lại, theo nhận xét riêng của tôi, ngài khôn ngoan hơn cha phó “lớn” cũ qua tính cách trầm tĩnh, ôn hòa đặc biệt là rất lịch sự... những tính cách đó tương hợp với vẻ ngoài thấp người, hơi gầy, đầu hói, tóc quăn, đôi mắt trũng, sáng, luôn chứa một ánh nhìn dò xét và đặt nghi vấn.

Sau khi ổn định chỗ ở, vị trí và công việc, cha phó “lớn” gọi tôi hỏi chuyện. Tôi đơn sơ và chân thật trả lời hết mọi câu hỏi của ngài những gì mình nghe, thấy, biết và suy nghĩ. Nhưng sau đó, từ thái độ vui vẻ vô tư ban đầu, ngài dần thay đổi thành không còn vui vẻ như trước, mà luôn lạnh lùng và nghiêm khắc với tôi. Sau này tôi mới hiểu ra chính cha phó “nhỏ” đã khiến cho ngài coi tôi như “tên gián điệp” của cha sở.

Vì vẫn làm việc chung và ăn chung với hai cha phó, nên tôi thường xuyên nhận được những lời nói và cử chỉ bóng gió xa xôi. Cứ tưởng với cha phó “lớn” này, tôi sẽ bớt đi cực nhọc, bớt bị đối xử thù nghịch, được giải tỏa đi những gánh nặng của nghi ngờ, định kiến... nhưng không! Những thứ đó giờ đây ngày càng trở nên nặng nề hơn một cách có hệ thống. Tôi đã dạy 2 lớp tiểu học, thường trực dạy bù cho những lớp bất ngờ trống giáo sư bên bậc trung học, nay lại phải dạy luôn môn Công dân Giáo dục cho tất cả các lớp đệ nhị cấp từ lớp đệ thất đến lớp đệ tứ (lớp 6 đến lớp 9 bây giờ), trước đây tôi chỉ thuần lo việc dạy học nay còn phải phụ việc cho văn phòng trong công tác tổ chức hồ sơ; trước đây tôi chỉ lo việc giáo dục nay lại còn phải làm những việc vặt vãnh của người tùy phái (gọi là người “chạy giấy” hay người dùng để người ta sai vặt) cho các cha phó; trước đây tôi chỉ chăm lo thánh lễ sáng và những công tác phụ giúp việc mục vụ của cha sở, nay phải phụ giúp luôn việc mục vụ của hai cha phó vào buổi chiều; còn nữa... nhưng phiền nhất vẫn là không được ăn no trong các bữa ăn thường ngày, vì các cha phó luôn than phiền bị thất thu tiền trường, bị nợ học phí v.v... để các bữa ăn cứ mỗi ngày một kham khổ hơn, thố cơm để trên bàn ăn dành cho ba người, hai cha phó và tôi, cứ vơi dần đi.

Thời bấy giờ râm ran trong giới các thầy giúp xứ - tức các đại chủng sinh sau khi học xong phân khoa triết học thì phải chịu hai năm “đi giúp xứ” gọi cho đúng là “đi probation” nghĩa là đi thử: đi đến các giáo xứ để tập sự - nhiều lời khuyên về “phép lễ độ-ăn điếm-ráp-bo(*)” với các cha, trong đó có một lời khuyên về cách ăn uống chung bàn với các cha sở kê cả các cha phó trong các họ đạo mình đến giúp, đó là: *“Trong bữa ăn lần tiệc tùng, người nhỏ không được phép ăn lâu hơn người lớn, không được phép buông đũa sau người lớn hay có nghĩa là không được*

phép để người lớn ăn xong còn phải chờ đợi mình để cùng ăn tráng miệng hoặc để cùng đứng lên đọc kinh kết thúc bữa ăn”, cụ thể là trong bàn ăn có cha sở hay các linh mục nói chung, các thầy phải liệu ăn sao cho thật nhanh để kết thúc bữa ăn trước khi các ngài buông đũa; nếu lỡ để các ngài xong trước, thầy giúp xứ phải liệu chấm dứt cho mau, không được ăn tiếp khi các cha đã thôi ăn...

Vì nổi... “phép lễ độ-ăn điếm-ráp-bo” trên cộng thêm nỗi ngán sợ ngấm ngấm hai cha phó, nên mỗi bữa ăn nếu nói về cơm, tôi chỉ ăn được vồn vẹn một đĩa ít cơm, do không dám lấy lần thứ hai; nếu nói về thức ăn, tôi phải liệu ăn những thức ăn nào gọn nhẹ, tránh thức ăn có xương gây mất giờ không cần thiết, tránh thức ăn nào cần phải đi chung với nước chấm gây phiền toái và nhất là tránh những thức ăn được bày biện ở cách xa chỗ mình ngồi, nghĩa là chỉ ăn những thức ăn nào nằm trong tầm tay mình có thể với tới để lấy dễ dàng... thêm nữa, do các cha phó ăn ít đã vậy, lại ăn uống với tốc độ khá nhanh để sau đó các ngài còn được đi ăn tiệc bên ngoài hay nhậu nhẹt đêm với các giáo sư ở phòng khách riêng trên lầu một... nên không bữa cơm nào tôi được ăn no hay ăn nghiêm chỉnh, mà chỉ ăn như ăn lén ăn lút, ăn kiểu “nhà binh” tức ăn không kịp nuốt... Tệ hơn, gặp những khi các ngài được mời đi ăn tiệc xa, một phần vì công việc quá nhiều, phần nữa vì đường xa phải đi xe gắn máy, trong khi tôi không có xe để đi cùng, khiến tôi phải từ chối lời “*mời lay trời đừng ăn*” ấy của các ngài, thì y như rằng hôm đó tôi buộc phải nhịn đói do nhà bếp đóng cửa. Trước kia, những lúc không có cơm, tôi còn chạy sang xin cha sở cho ăn nhờ, nhưng về sau, cha sở đau ốm triền miên, giờ ăn bất định, thức ăn đặc chùng, nhà bếp của cha sở đôi lần tỏ ra khó chịu... tôi khó bề xin ăn ké, nói chung, đã bất tiện nhiều nổi lại còn nghĩ ngợi “*miếng ăn là miếng tội tày*” nên tôi thấy thà nhịn đói còn dễ chịu hơn.

Đôi lúc do quá khổ, tôi muốn thưa hết mọi chuyện với cha sở, nhưng suy đi nghĩ lại tôi không dám. Tôi nghĩ nên rút kinh nghiệm trước đây chuyện gì tôi cũng kể lể, có lẽ đến tai các cha phó, giờ ra nông nổi, nếu còn kể lể nữa rồi sẽ còn ra sao? Thân phận thầy giúp xứ thời bấy giờ có ai đó đã ví như thân phận người phụ nữ làm vợ làm dâu, cũng “*mười hai bến nước - bến đục bến trong*” chứ không phải giống! Thình thoảng tôi dò trên cuốn lịch treo tường phòng khách nhà xứ để xem mình còn bao lâu nữa thì mãn một năm giúp xứ tại nơi này.

Tôi gầy đi thấy rõ nhưng không dám hé răng với ai lấy một lời, vì giáo dân thì đầy ra đó, nhưng là con người, ai ra làm sao đó biết!

Ở xứ này không có nhiều hàng quán trừ một vài người bán hàng rong cho học sinh trước cổng trường vào buổi sáng cho đến trưa. Nhưng làm sao tôi có tiền để bù những bữa trưa bữa tối ăn còn đói! Nếu có tiền liệu tôi có dám đi mua! Thế gian mấy ai biết giữa những người no nê đôi khi có kẻ âm thầm đói lả, giữa cảnh hạnh phúc tràn trề đôi lúc có kẻ lặng lẽ đón đau mặt phận. Có những cái đói đến hai ba lần đói, có những nổi khổ chồng lên nổi khổ. Tôi không hé răng với má tôi mỗi lần được về thăm, chỉ biết trả lời công việc nhiều mà gầy đi, đen đui đi và nếu má tôi thờ than thì tôi thường kêu lên để má tôi đừng xót ruột:

- Má ơi! Thời gian này là thời gian thử luyện mà!

Vì thường xuyên đói, thường xuyên cực nhọc và thường xuyên không ngủ đủ, nên mọi việc dường như trở nên nặng nề và mắc nhiều khinh xuất, sơ sót hoặc hỏng hóc, những lần như thế tôi bị hai cha phó mắng mỏ nặng lời. Chính những lần mắng nhiếc đó lâu ngày khiến tôi hiểu ra tội lớn nhất của mình là tội làm tác nhân gây ra thuyên chuyển cha phó “lớn” cũ, từ đó tôi dần đọc ra được hết những ánh mắt hằn học và những lời nói châm biếm của hai cha phó nấp sau những “*công thức lịch sự*”. Tôi rất chậm trong việc nhận biết những lời nói xa xôi, nhưng đến khi nhận ra được tôi cũng không biết phải đối phó cách nào đành nuốt cay ngậm đắng cho qua.

Lối tu hành thời này vẫn còn cho mọi chuyện bất công do người lớn hiểu lầm mà gây ra cho mình là ý Chúa, là sự thử thách; ăn uống cực khổ thiếu thốn là sự hy sinh hãm mình; chịu đựng

mọi nỗi oan trái nhưng tuyệt đối không kêu van là vâng phục; im lặng đón nhận mọi thua thiệt là khiêm tốn... quan niệm đó xem ra có ích cho tôi lúc này, vì nó khiến tôi không đi dần đến chỗ bị chán nản, tuyệt vọng, suy sụp... ngày nay người ta gọi đó là trạng thái trầm cảm. Thỉnh thoảng gặp bạn bè tôi than thở chút ít cho nhẹ bớt, còn với bề trên thì tôi vẫn một lòng... vâng phục.

Tôi rất dễ bị cảm lạnh, đau lưng, nhức đầu, đau vai, đơ cổ, dễ bị ho và dễ bị sốt, kiến thức y học không có bao nhiêu nên nhiều khi bị sốt mà cứ tưởng mình bị nóng trong người. Những lúc đói hay đau ốm như vậy, tôi thường rón rén dạo một vòng xuống nhà bếp, đứng ngoài cửa sổ nhìn vào xem có gì có thể giúp được cho mình không, nhưng không có chút cơm nguội, không có thức uống lẫn tú thuốc gia đình... để ăn đỡ lòng, uống đỡ khát và giúp xoa dịu những cơn khó chịu. Thỉnh thoảng anh Đôn cho tôi trái chuối, quả ổi.

Một tối thứ sáu lúc trời bắt đầu sụp tối, cha sở cho gọi tôi. Mới đặt chân ở ngưỡng cửa bước vào phòng, cha bỗng kêu lên:

- Sao hồi này con gầy ốm quá vậy?

Không đợi hỏi đến câu thứ hai, tôi òa khóc ngon lành.

Cha sở đoán biết, ngài an ủi xong bảo tôi cùng đi kê liết với cha.

Ở vùng này kênh rạch chằng chịt, nên sau khi đi bộ một quãng, cha và tôi cùng xuống một chiếc xuồng nhỏ đang có người đợi sẵn.

Đến nhà người bệnh liệt giường, cha sở đi thẳng vào buồng để cho người bệnh xung tội

Đang ngồi bên ngoài bỗng tôi thấy người bệnh chồm lên ôm cổ cha sở vật xuống. Cùng lúc tôi nghe tiếng cha sở ú ớ kêu:

- Thầy ơi... i....

Tôi và người bơi xuồng lúc này cùng chạy vào thấy người bệnh tuy đã yếu liệt nhưng vẫn còn sức khỏe lắm. Hai tay ông ôm cổ cha sở chặt và cứng đờ nỗi chúng tôi cảm thấy không dễ dàng và mau chóng gỡ ra được. Đó là một người đàn ông trên sáu mươi tuổi, to lớn, dềnh dàng với hai bàn tay hộ pháp to xù, chai cứng và lạnh ngắt như hai miếng thớt, nếu không vì cơn bệnh chắc ông ta phải vạm vỡ, lực lưỡng và mạnh mẽ như con gấu. Ông ta rít qua kẽ răng:

- Tao không có tội! Tao không xung tội gì hết!

Mắt ông ta long lên, miệng ông ta nhe ra, nếu chỉ cần gắn thêm hai răng nanh vào cái miệng bạnh ra ấy nữa chắc tôi hãi hùng đến bỏ của chạy lấy người. Nhờ bài học trước đây với cô gái mù, tôi chộp lấy quyển sách kinh của cha sở để gần đây đập lia lịa lên đầu ông ta miệng tôi kêu:

- Giêsu Maria Giuse! Giêsu Maria Giuse!...

Phải thật lâu cha sở mới thoát ra khỏi đôi cánh tay gọng kềm của ông ta. Người bệnh nằm vật ra miệng ú ớ. Cha sở để yên cho người bệnh bây giờ thì mắt đang lơ lơ giống như ngủ, ra ngoài nghỉ mệt. Cha thở một lúc rồi kể chậm chậm cho tôi nghe:

- Đây là người đàn ông cô độc nhất trong họ đạo chúng ta. Thầy xem ông ta nghèo tiền nghèo tình... nghèo đến tận số phận!

Lúc này tôi mới nhìn lại. Chúng tôi đang ở trong căn nhà trống trước trống sau, cũng có sàn nhà như những ngôi nhà trung bình ở miền châu thổ này, nhưng vì nghèo quá nên nhà chỉ còn lại một bức vách trước nhà bằng gỗ tạp và một bức vách ngăn đôi căn nhà thành gian ngoài và buồng trong, còn mái nhà thì dột nát từ dưới nhìn lên không khác gì một cái rổ úp. Trong nhà trống hươu không có gì gọi là đồ đạc gia dụng, chỉ còn độc nhất một chiếc giường người bệnh đang nằm. Nhà tôi om mà chỉ thấp một ngọn đèn mù u (**). Cha sở nói tiếp:

- Ông ta bị vợ bỏ lúc ngoài ba mươi, vợ đi giông bão cuốn theo hết tài sản và hai đứa con để lấy một người đàn ông khác. Từ đó ông ta không mở miệng nói chuyện, không tiếp xúc với bất kỳ ai và tuyệt đối không đi nhà thờ nữa!

Người đàn ông bơi xuồng chở chúng tôi, cũng là người vừa mới phụ tôi giúp cha sở thoát khỏi

“Ông gọng kềm” chỉ là người hàng xóm. Ông ta kể tiếp theo cha sở:

- *Thấy ông nằm đến mấy ngày không ra khỏi nhà tôi mới sang thăm và tự lên rước cha. – Người đàn ông lắc đầu ra vẻ nê nang – Cái tay Bảy Hồ này khỏe lắm! Tới lúc này rồi mà còn ôm cha sở chặt đến không dễ mà gỡ ra!*

Người đàn ông thì thào kể tiếp:

- *Ông thầy biết không! Tay này có nhiều “tật”(***) khủng khiếp! Com ăn một lần một hai lít gạo rồi nghỉ không ăn đến vài ngày. Mò bắt tôm, cua, cá, ốc... dưới sông giỏi như rái, bắt lên con nào ăn sống ngay con nấy. Hút những điếu thuốc vắn to bằng nửa cổ tay – người đàn ông ra hiệu - Tay Bảy Hồ này có thể dùng tay không bốc cục than hồng đỏ rực từ bếp ra để mỗi lửa cho điếu thuốc ngậm trên môi, mỗi lửa xong từ từ bỏ cục lửa vào bếp lại mà không bị phỏng tay. Cầm hai chân sau của con chó xé toạc ra dễ như ta xé con ếch. Còn nhiều “tật” khủng khiếp lắm ông ơi!...*

Cha sở kể tiếp theo:

- *Tuy không nói cười với ai một tiếng từ ngày vợ con bỏ đi, nhưng ông ta không làm phiền gì hàng xóm, cứ thui thủi một mình như bóng ma, ngày này qua tháng khác...*

...

Đến đây mọi người nghe tiếng ông Bảy Hồ ú ớ, cha sở bước lại gần giường bệnh dò xét.

Bỗng ông ta ngồi bật dậy như người khỏe mạnh, hét lớn:

- *Tao không có tội! Nó mới có tội!*

Giọng ông Bảy Hồ vang rền, ròn rảng như tiếng một con sư tử gầm rống, nhưng lại cũng có vẻ nói qua nước mắt. Cha sở đau xót bước lại gần nói với giọng thật êm:

- *Con ơi! Con nói đúng! Con không có tội gì đâu! Mà giả sử có đi nữa thì Chúa cũng đã tha hết cho con từ lâu rồi. Bây giờ con không cần xưng tội, cha chỉ ban phép Xức dầu cho con thôi!*

Ông Bảy Hồ lặng thinh, nằm xuống lại, mắt nhắm nghiền.

Cha sở lấy dầu thánh ra, nhẹ nhàng làm mọi nghi thức. Người liệt để mặc cha sở làm gì thì làm, ông chỉ nhắm mắt.

Xong xuôi cha sở và tôi ra ngoài. Cha sở ra lệnh những giáo dân trong xóm và cả những người từ đầu đến giờ đứng lối nhỏ ngoài sân, tập họp ở ngôi nhà bên cạnh để ngài hỏi han, bàn bạc và cất đặt người này người kia dưới trách nhiệm của một ông Giáp nhà ở trong khu vực đó để lo cho ông Bảy Hồ từ nay đến giờ sau hết.

Nghe lời cha, mọi người vui vẻ nhận nhiệm vụ.

Thật ra bấy lâu nay mọi người muốn giúp ông ta, nhưng không ai dám đến gần vì ông Bảy Hồ luôn lầm lì, không tiếp xúc, hỏi không nói, chào không thưa, cho không lấy... sống như một người rừng, bắt cá bắt tôm dõng thành gạo, mắm, đá lửa, thuốc hút và những thứ cần dùng. Con nít gặp ông là trốn biệt từ xa. Nay có cha sở tổ chức, mọi người hồ hởi rầm rập tuân theo, bởi ai cũng thương cảm cho cảnh đời đau khổ của ông.

...

Không lâu sau, ông Bảy Hồ qua đời.

Sau khi đưa linh cửu ông Bảy Hồ ra phần mộ, trên đường trở về cha sở nói với tôi:

- *Tuy người đàn ông này nguội lạnh gần như bỏ đạo, nhưng ông Lực Lượng không làm gì được vì trong lòng ông ta không chứa chấp nổi u uất của oán ghét và thù hận.*

Tôi ấp úng mãi một lúc mới dám hỏi cha:

- *Thưa cha, hẳn ông Bảy Hồ có nói sao cha mới biết ông ta không oán hận vợ con...?*

Cha sở nhân hậu trả lời:

- *Chính ông Lực Lượng nói với cha chứ chẳng ai! Rằng ai không nuôi trong lòng một sự thù hận, oán ghét... nào, tà khí khó mà nhập vào, vì trong lòng họ không có góc khuất cho Bóng tối.*

** Rapport: Bản tường trình của cha sở gửi về cho giám mục và giám đốc đại chủng viện biết hạnh kiểm và khả năng của thầy giúp xứ sau một năm thử thách. Điểm tường trình này trong tương lai sẽ ảnh hưởng đến sự xét duyệt đương sự có được chịu chức linh mục hay không.*

***Đèn Mù u: loại đèn tiêm vải, thấp bằng dầu lấy từ cây có tên gọi là Mù u, cho một thứ ánh sáng đỏ lò mò. Thập niên 40 trở về trước, ở thôn quê chưa có dầu lửa, người ta dùng dầu lấy từ quả Mù u.*

**** Người quê dùng chữ “tật” đôi khi bóng gió ám chỉ cái tài cái đức, ví dụ “cái tật hay thương người”...*

(còn tiếp)